

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2014/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 11 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản
trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 22/12/2011 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị “về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;

Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum tại Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 04/11/2014 về việc thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến tham gia của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

I. Quan điểm quy hoạch

- Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Kon Tum phải

phù hợp với Luật Khoáng sản và các văn bản quy định có liên quan ; phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các quy hoạch chuyên ngành có liên quan và chiến lược, quy hoạch khoáng sản của cả nước gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và các tài nguyên thiên nhiên khác; bảo đảm quốc phòng, an ninh trật tự, an toàn xã hội;

- Thăm dò khoáng sản phải đánh giá đầy đủ trữ lượng, chất lượng các loại khoáng sản có trong khu vực thăm dò;

- Khai thác, sử dụng khoáng sản bảo đảm hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường; áp dụng công nghệ khai thác tiên tiến; thu hồi tối đa khoáng sản; gắn khai thác với chế biến sâu.

II. Mục tiêu quy hoạch

- Định hướng cho công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội;

- Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản là cơ sở pháp lý cho các cơ quan chức năng quản lý cấp phép thăm dò, khai thác các mỏ khoáng sản nhằm sử dụng một cách có hiệu quả, đúng mục đích và phát triển bền vững;

- Phân kỳ công tác thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản theo từng thời kỳ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Từng bước tăng dần giá trị sản xuất ngành công nghiệp khai khoáng trong giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp của tỉnh đến năm 2020 chiếm tỷ trọng từ 4% đến 6% và đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 10%/năm, đến năm 2030 là 12%/năm.

III. Nội dung quy hoạch

1. Phạm vi quy hoạch: Trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng quy hoạch: Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn; khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ giao địa phương quản lý, cấp phép; một số khoáng sản ở khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố, cụ thể:

2.1. Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn (*chi tiết có phụ lục 1 kèm theo*)

Tổng số điểm quy hoạch 177, tổng diện tích đất sử dụng 4.379,8 ha, cụ thể:

TT	Loại khoáng sản	Số điểm QH	Tổng các kỳ quy hoạch		Giai đoạn đến 2020		Giai đoạn 2021-2030		Dự trữ	
			Diện tích (ha)	Trữ lượng (ngàn m3)	Diện tích (ha)	Trữ lượng (ngàn m3)	Diện tích (ha)	Trữ lượng (ngàn m3)	Diện tích (ha)	Trữ lượng (ngàn m3)
1	Đá xây dựng	63	1.129,6	95.611,9	422,5	33.578,2	394,5	33.427,0	312,6	28.606,7
2	Cát xây dựng	88	2.799,7	27.643,8	592,2	6.511,0	668,6	7.507,3	1.538,9	13.625,5
3	Đất làm VLXDTT	9	136,0	8.160,0	42,1	2.526,0	93,9	5.634,0	-	-
4	Sét gạch ngói	14	288,6	7.920,8	81,1	2.720,0	160,0	4.085,3	47,5	1.115,5
5	Than bùn	3	25,9	311,3	22,0	262,5	3,9	48,8	-	-
	Tổng cộng	177	4.379,8	139.647,8	1.159,9	45.597,7	1.320,9	50.702,4	1.899,0	43.347,7

2.2. Khoáng sản được Thủ tướng Chính phủ giao địa phương quản lý cấp phép: 01 điểm quặng sắt, xã Mô Rai (nay là xã Ia Đal), huyện Sa Thầy, cụ thể:

TT	Loại khoáng sản	Địa điểm	Diện tích (ha)	Trữ lượng (ngàn tấn)	Quy hoạch khai thác
1	Quặng sắt	Xã Mô Rai, huyện Sa Thầy (nay là xã Ia Đal, huyện Sa Thầy)	26	803,436	Đến 20/6/2015

2.3. Khoáng sản phân tán nhỏ lẻ đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định, công bố: Gồm 22 điểm, tổng diện tích 535 ha, cụ thể (chi tiết có phụ lục 2 kèm theo):

TT	Loại khoáng sản	Số điểm QH	Tổng các kỳ QH		Giai đoạn đến 2020		Giai đoạn 2021-2030	
			Diện tích (ha)	Tài nguyên (tấn)	Diện tích (ha)	Tài nguyên (tấn)	Diện tích (ha)	Tài nguyên (tấn)
1	Vàng	13	321,6	4,68	94,7	1,62	226,9	3,063
2	Sắt	6	138,9	28.760	34	8.328,10	104,9	20432
3	Chì	1	35,1	18,8	5	2,7	30,1	16,1
4	Secpentin	2	39,4	957.420	11	267.300	28,4	690.120
	Tổng	22	535	986.203,5	144,7	275.632,4	390,3	710.571,1

2.4. Khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh (chi tiết có phụ lục 3 kèm theo):

- Khu vực cấm hoạt động khoáng sản: 1.111 vị trí, khu vực, tuyến; tổng diện tích 297.421,31 ha.

- Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: 732 vị trí, tổng diện tích 335,96 ha.

3. Nhu cầu kinh phí; nguồn vốn và phân kỳ thực hiện:

- Nhu cầu kinh phí: Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến thực hiện Quy hoạch 3.064,4 tỷ đồng.

- Nguồn vốn thực hiện: Bao gồm vốn ngân sách nhà nước (*lập quy hoạch; hỗ trợ một phần bằng vốn vay ưu đãi*); vốn xã hội hóa (*các doanh nghiệp tham gia hoạt động khoáng sản*) và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

- Phân kỳ đầu tư:

+ Giai đoạn 1: Từ nay đến năm 2015: 358,5 tỷ đồng;

+ Giai đoạn 2: Từ 2016 - 2020: 1.314,6 tỷ đồng;

+ Giai đoạn 3: Từ 2021 - 2030: 1.391,3 tỷ đồng.

IV. Giải pháp thực hiện

Thông nhất những biện pháp, giải pháp để tổ chức thực hiện Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Hội đồng nhân dân tỉnh nhấn mạnh một số vấn đề sau:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản, nhất là đối với những khu vực có mỏ khoáng sản được quy hoạch và hoạt động khai thác khoáng sản. Thực hiện công bố, công khai quy hoạch; công khai minh bạch việc quản lý cấp phép hoạt động khoáng sản.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ chế quản lý thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản có sự phân công cụ thể trách nhiệm của các ngành, địa phương. Công bố, quản lý các khu vực cấm, tạm thời cấm, khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản và các khu vực nhạy cảm: Di tích văn hóa, lịch sử, vườn quốc gia, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, khu vực biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống...

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khoáng sản; nghiên cứu xây dựng quy trình, quy phạm, sử dụng công nghệ thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; phục hồi môi trường sau khi kết thúc việc thăm dò, khai thác khoáng sản. Quản lý quy hoạch, quyết định phê duyệt đầu tư dự án thăm dò, khai thác khoáng sản một cách hợp lý và bền vững, cần tính toán việc cân bằng giữa chi phí, lợi ích về mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

- Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng, chính quyền các cấp đối với hoạt động khoáng sản; đảm bảo thực hiện đúng quy hoạch, dự án được phê duyệt. Tăng cường công tác quản lý thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ các loại thuế.

- Xây dựng cụ thể các giải pháp huy động vốn đầu tư, thu hút các nhà đầu tư tham gia hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản nhất là đối với một số loại khoáng sản là thế mạnh của tỉnh, nhu cầu của thị trường.

- Xây dựng các chính sách ưu đãi, khuyến khích nhà đầu tư đối với các dự án khai thác, chế biến tại chỗ khoáng sản ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn hay những dự án có áp dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, bảo đảm vệ sinh môi trường, các sản phẩm có giá trị và hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Thực hiện các giải pháp hữu hiệu nhằm giải tỏa hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, ngăn chặn nguy cơ tái diễn; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo đúng quy định của pháp luật trong hoạt động khoáng sản; kiểm tra, làm rõ trách nhiệm của lãnh đạo địa phương, nhất là lãnh đạo cấp xã đã để tình trạng khai thác khoáng sản trái phép kéo dài hoặc tái diễn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện Quy hoạch theo quy định; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung những nội dung liên quan, giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2014 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày được thông qua và thay thế:

- Nghị quyết số 10/2008/NQ-HĐND ngày 09/9/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá IX, kỳ họp bất thường (lần 3) về việc thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến một số khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2015;

- Nghị quyết số 04/2010/NQ-HĐND ngày 05/4/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá IX, kỳ họp chuyên đề về việc thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2015 và xét đến năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Hà Ban